

anh T thường xuyên vắng nhà, không chăm sóc con chu đáo bằng chị và hiện nay cháu T1 có nguyện vọng sống với mẹ, còn cháu T2 còn nhỏ nên chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu anh T giao 02 con lại cho chị T nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Hồ Minh T, Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh T không nộp văn bản nêu ý kiến cũng như không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Đối với anh Hồ Minh T, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh T không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh T.

Chị Trần Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hồ Minh T là quan hệ tranh chấp ly hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy T và anh Hồ Minh T cưới nhau vào cưới nhau vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/2013 tại Ủy ban nhân xã T, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị T thì nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do anh T thường xuyên chơi cờ bạc. Khi mâu thuẫn xảy ra, cả hai cũng không cố gắng cùng nhau giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Đối với anh T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn không nộp cho Tòa án bất cứ văn bản nào trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T và anh T cũng không đến Tòa án để giải quyết cho thấy anh T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Hồ Hoàng Minh T1, sinh ngày 21/10/2012, Hồ Hoàng Nhã T2, sinh ngày 11/10/2014 hiện đang sống với cha.

Xét cháu T2 còn nhỏ, còn cháu T1 có nguyện vọng sống với mẹ và theo chị T trình bày anh T không chăm sóc con chu đáo nên việc chị T yêu cầu nuôi 02 con và yêu cầu anh T giao con lại chị T nuôi dưỡng là có căn cứ cần chấp nhận.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Nếu anh T có căn cứ chứng minh chị T hạn chế quyền thăm nom con hoặc không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng một vụ án khác.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

[2.4] Về chia tài sản và nợ chung: Chị T trình bày không có nên không đề cập. Nếu sau này anh T cung cấp chứng cứ chứng minh giữa chị T và anh T có tài sản chung và nợ chung thì anh T có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

[4] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị Thùy T đối với anh Hồ Minh T.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy T được ly hôn với anh Hồ Minh T.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Thùy T được quyền nuôi 02 con chung là Hồ Hoàng Minh T1, sinh ngày 21/10/2012, Hồ Hoàng Nhã T2, sinh ngày 11/10/2014.

Buộc anh T phải giao 02 con là Hồ Hoàng Minh T1, sinh ngày 21/10/2012, Hồ Hoàng Nhã T2, sinh ngày 11/10/2014 cho chị T nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Nếu anh T có căn cứ chứng minh chị T hạn chế quyền thăm nom con hoặc không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng một vụ án khác.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị T trình bày không có nên không đề cập.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thùy T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001676 ngày 13/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Út